**NỘI DUNG BÀI HỌC MÔN TIẾNG ANH 6**

**TUẦN 15 (Từ 26/12 đến 31/12/2022)**

**UNIT 5 : AROUND TOWN (LESSON 2)**

**I. New words**

1. order (v) /ˈɔːrdər/ : gọi món

2. dessert (n) /dɪˈzɜːrt/ : món tráng miệng

3. tip (n) /tɪp/ : tiền bo

4. check (n) /tʃek/ : hóa đơn

5. change (n) /tʃeɪndʒ/ : tiền thừa

6. menu (n) /ˈmenjuː/ : thực đơn

**II. Grammar**

1. **Countable and uncountable nouns**

**( danh từ đếm được và danh từ không đếm được )**

Trong tiếng Anh có 2 loại danh từ là danh từ đếm được (**Countable Noun**) và danh từ không đếm được (**Uncountable Noun**).

**1. Danh từ đếm được:** danh từ đếm được gồm cả danh từ số ít và danh từ số nhiều:

\* Danh từ số ít chỉ một người hay một vật.

+ Dùng mạo từ **“a” + danh từ số ít** (bắt đầu bằng 1 phụ âm)

Ex: a book, a ruler, a house…

**+** Dùng mạo từ **“an” + danh từ số ít** (bắt đầu bằng 1 nguyên âm) **( U, E, O, A , I** ).

Ex: an **e**gg, an **i**ce-cream, an **u**mbrella..

\* Danh từ số nhiều chỉ hai người hoặc hai vật trở lên.

+ Thêm “s/es” phía sau danh từ đếm được.

Ex: two cake**s** (2 cái bánh), three boy**s** (3 bạn trai), four boxes (4 cái hộp)

**2. Danh từ không đếm được:** không có dạng số nhiều (s/es), cũng không có mạo từ “a/an” đặt trước

Ex: **tea** (trà), **water** (nước), **sugar** (đường)...

**B. SOME / ANY**

**1. SOME**: (1 vài, 1 ít) dùng trong câu khẳng định, đứng trước danh từ đếm được số nhiều và danh từ không đếm được.

Ex: I *have* some apples. (Tôi có 1 vài trái táo.)

There *is* some milk in the bottle. (Có 1 ít sữa trong chai.)

\* “Some” cũng được dùng trong câu yêu cầu, lời mời: *Would you like……?*

Ex: *Would you like* some coffee? (Bạn có muốn uống chút cà phê không?)

**2. ANY**: (nào, bất kỳ cái gì) dùng trong phủ định và nghi vấn, đứng trước danh từ đếm được số nhiều và danh từ không đếm được.

Ex: There *aren’t* any chairs in the room. (Không có cái ghế nào trong phòng.)

Do you have any coffee*?* (Bạn còn chút cà phê nào không?)

**III. PRACTICE**

**1. Choose the word or phrase (A, B, C or D) that best fits the space in each sentence.**

1. What food do you often \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_in a restaurant?

A. to order B. orders C. order D. ordering

2. Harry’s favorite \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ is cheesecake.

A. seafood B. vegetable C. dessert D. meal

3. A \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ is a list of the food and drink you can order.

A. waiter B. menu C. customer D. chef

4. A \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_works in a restaurant.

A. teacher B customer C. waiter D. students

5. Speaker 1: Excuse me. Can I have the check, please?

Speaker 2: \_\_\_\_\_\_\_\_\_

A. Yes, here you are. B. Yes, you can.

C. Yes, please. D. Yes, you would.

6. In some countries, people often leave \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ at a restaurant after eating.

A. a dessert B. an order C. a tip D. a menu

7. Waiter: What would you like to \_\_\_\_\_\_\_\_\_?

Customer: I’d like some orange juice, please.

A. do B. have C. eat D. drink

8. You usually go to this place when you eat out.

A. library B. restaurant C. museum D. hospital

9. What's for dessert?

A. ice-cream B. hamburger C. pasta D. noodles

10. Would you like some coffee?

A. You’re welcome B. That’s right C. I don’t know D. Yes, please

11. I’d like \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_coffee.

A. some B. a C. an D. any

12. Harry would like \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ brownie.

A. a B. an C. some D. any

13. There isn’t \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ milk in the bottle.

A. some B. any C. a D. an

14. He is eating \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ cupcake.

A. any B. some C. a D. an

15. Do you have \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ fries left in the kitchen?

A. a B. some C. an D. any

16. Mary likes \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_omelet for her lunch.

A. a B. an C. some D. any

17. Would you like \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ drink?

A. some B. a C. an D. any

18. My sister is buying \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ hamburger.

A. a B. an C. some D. any

19. A: What would you like for dessert? – B: I ‘d like \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ ice-cream.

A. a B. an C. any D. the

20. Does your father want \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ tea? – Yes, he does.

A. some B. a C. any D. an

**2. Read the following passage. Decide if the statements from 1 to 4 are True or False and choose the correct answer (A, B, C or D) for the questions 5 and 6.**

Hi, my name is Tom. I want to tell you about my weekend. My family and I always come to this restaurant on the weekend because the food here is great. There are lots of different food on the menu. I often have fried chicken and some salad for the meal. My parents love soup with mushroom here while my sister likes noodles. I would like to eat an ice-cream for dessert. The service in this restaurant is very good. Waiters are friendly and they serve the food quite quickly. Moreover, the decoration of this restaurant is so impressive. There are many green spaces with plants which bring guests the freshness and relaxation.

**True or False**

1. Tom’s family always goes to the zoo on the weekend. \_\_\_\_\_\_\_\_

2. They can see lots of different food on the menu. \_\_\_\_\_\_\_\_

3. Tom’s favorite food is noodles and some salad. \_\_\_\_\_\_\_\_

4. The restaurant’s waiters are very friendly. \_\_\_\_\_\_\_\_

5. What would Tom like for dessert? - \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

A. a bowl of soup B. an ice-cream C. a cake D. a hamburger

6. Why does Tom’s family like this restaurant?

A. Because it is very famous. B. Because it is very cheap.

C. Because its food is good. D. Because it is near their house.

**3. Choose the word (A, B, C or D) that best fits the space in the following passage.**

Nick and Alice like going (1) \_\_\_\_\_\_\_\_\_ the city. They want to see everything. Especially, they want to enjoy (2) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ food. Now they are sitting (3) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ a famous restaurant to eat dinner. They (4) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ some dishes like chicken curry, omelet, spaghetti and fries. Their favorite (5) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ is chocolate cake.

1. A. near B. far C. again D. around

2. A. beautiful B. cold C. delicious D. exciting

3. A. on B. in C. at D. with

4. A. are ordering B. are selling C. are cooking D. are phoning

5. A. main course B. dessert C. menu D. vegetable